



bàn zì dòng

半自动

adjective · semi-automatic

Example Sentences

zhè tái jī qì shì bàn zì dòng de
这台机器是半自动的。

This machine is semi-automatic.

bàn zì dòng bù qiāng bǐ quán zì dòng de gèng jīng zhǔn
半自动步枪比全自动的更精准。

Semi-automatic rifles are more accurate than fully automatic ones.

Trace each character, then write the word on your own.

半	半	半	半	半	半	半	半				
自	自	自	自	自	自	自	自	自			
动	动	动	动	动	动	动	动	动			